

| Marks | Listening | Reading and writing | Speaking | Comments |
|-------|-----------|---------------------|----------|----------|
| | | | | |

PART 1: LISTENING

Question 1. Listen and number. (nghe và đánh số)



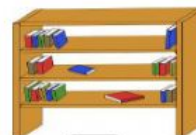
A.



B.



C.



D.

PART II: READING AND WRITING

Question 2. Read and match. (đọc và nối)

- | | |
|-----------------------|---------------|
| 1. This is a | a. books |
| 2. Those are | b. pen |
| 3. Is the library big | c. Yes, it is |

1....., 2....., 3.....

Question 3. Look, read and write Yes or No. (nhìn đọc và viết Yes hoặc No)



- | | |
|------------------------------------|-------|
| a) This is a pen. | _____ |
| b) That is a desk. | _____ |
| c) Is it a book? – Yes, it is. | _____ |
| d) These are my pencil sharpeners. | _____ |
| e) Those are pencil cases | _____ |

Question 4. Look at the pictures. Look at the letters. Write the words. (nhìn vào tranh, nhìn vào chữ và viết từ)



0. n p e → p e n

1. r b e u b r → _____



2. o l s h o c → _____



3. o k o b → _____



4. r i b y l a r → _____

Question 5. Fill in each gap with a suitable word from the box . (điền vào mỗi chỗ trống một từ thích hợp)

| | | | | |
|------|------------|-----|--------|-----------|
| pens | school bag | are | aren't | <u>my</u> |
|------|------------|-----|--------|-----------|

Mai: Hello! My name is Mai.

Tony: Hello! Nice to meet you. (0) My name is Tony. Is this your (1) _____?

Mai: Yes, it is.

Tony: And (2) _____ these your pencils?

Mai: No, they (3) _____.

Tony: And are those your (4) _____?. Mai: Yes, they are.

